

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA
CHỨNG NHẬN:

Cơ sở sản xuất: **Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã Đông Thành**

Mã số kinh doanh: 2600223393, cấp ngày: 01/8/2023, nơi cấp: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Thanh Ba.

Địa chỉ: Khu 08, xã Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0982 816 518

Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất: Dầu lạc

Số Quyết định cấp: 2181 /QĐ-UBND

Có hiệu lực đến ngày 25 tháng 8 năm 2026

Thanh Ba, ngày 28 tháng 8 năm 2023

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Tạ Tuấn Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/HTXDVNNDT/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP XÃ ĐỒNG THÀNH**

Địa chỉ: Khu 8, xã Đồng Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 0979977670 Email: haivyppt@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 2600223393

Giấy cơ sở sở điều kiện ATTP số 2181/QĐ-UBND cấp ngày 28 tháng 08 năm 2023 do UBND huyện Thanh Ba - tỉnh Phú Thọ.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Dầu lạc Đồng Thành**

2. Thành phần: 100% dầu lạc nguyên chất.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: 500ml/chai nhựa PET, 1 lít/ chai nhựa PET.

- Chất liệu bao bì: chai nhựa PET đảm bảo an toàn, không gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình vận chuyển và bảo quản theo quy định Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên cơ sở: Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Xã Đồng Thành

- Địa chỉ: Khu 8, xã Đồng Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự thảo)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT - Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Thông tư 50/2016/TT-BYT - Quy định giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- TCVN 7597:2018 - Dầu thực vật

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Phú Thọ, ngày 26 tháng 07 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Nhãn dự thảo



DẦU LẠC ĐÔNG THÀNH

- * Thành phần: 100 % dầu lạc nguyên chất
- * Hướng dẫn sử dụng: Dùng để ướp, chiên, xào, nấu, trộn, làm nước sốt và các món chay.
- * Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng
- * Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát tránh ánh nắng trực tiếp.
- * Thể tích thực: 1 lít
- * NSX:
- * HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất
- * Sản xuất tại: **HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP XÃ ĐÔNG THÀNH**
- * Địa chỉ: Khu 8, xã Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
- * Điện thoại: 0979977670 Email: haivpyt@gmail.com
- * Xuất xứ Việt Nam
- * Số TCB: 01/HTXDVNNXDT/2023
- * QR code



Mã số/ Code: DV142310429/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/
Customer's Name : HTX DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP XÃ ĐÔNG THÀNH
- Địa chỉ/
Address : Xã Đông Thành, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Tên mẫu thử/
Name of Sample : CHAI NHỰA PET
- Mô tả mẫu/
Sample Description : Mẫu nguyên vẹn. Số lượng: 05 chai
- Ngày nhận mẫu/
Date sample received : 09/10/2025
- Thời gian lưu mẫu/
Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/
Date of test : 09/10/2025-31/10/2025
- Ngày trả kết quả/
Date of issue : 31/10/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Chì (Pb) *	µg/g	KPH (LOD = 0,3)	QCVN 12-1:2011/BYT
2	Cadmium (Cd) *	µg/g	KPH (LOD = 0,15)	QCVN 12-1:2011/BYT
3	Kim loại nặng (dung dịch ngâm thời Acid acetic 4%, 60°C/30p) *	µg/mL	KPH (LOD = 0,002)	QCVN 12-1:2011/BYT
4	Lượng KMnO ₄ sử dụng (dung dịch ngâm thời nước, 60°C/30p) *	µg/mL	KPH (LOD = 0,3)	QCVN 12-1:2011/BYT
5	Antimony (Sb) (dung dịch ngâm thời Acid acetic 4%, 60°C/30p)	µg/mL	KPH (LOD = 0,001)	QCVN 12-1:2011/BYT
6	Germanium (Ge) (dung dịch ngâm thời Acid acetic 4%, 60°C/30p) **	µg/mL	KPH (LOD = 0,01)	QCVN 12-1:2011/BYT (ICP/MS)
7	Cặn khô (dung dịch ngâm thời Heptan, 25°C/1h) *	µg/mL	KPH (LOD = 5)	QCVN 12-1:2011/BYT
8	Cặn khô (dung dịch ngâm thời Ethanol 20%, 60°C/30p) *	µg/mL	KPH (LOD = 5)	QCVN 12-1:2011/BYT
9	Cặn khô (dung dịch ngâm thời Nước, 60°C/30p) *	µg/mL	KPH (LOD = 5)	QCVN 12-1:2011/BYT

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142310429/01

	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
11	Đồng (Cu)	mg/kg	KPH (LOD = 5)	TCVN 10916:2015
12	Trị số acid	mgKOH/g	0,57	TCVN 6127:2010
13	Trị số peroxit	meq/Kg	KPH (LOD = 0,1)	TCVN 6121:2018
14	Arsen (As)	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
15	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
16	Carbendazim **	mg/kg	KPH (LOD = 0,003)	EN 15662:2018
17	Propargite **	mg/kg	KPH (LOD = 0,003)	EN 15662:2018
18	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	9,0 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015
19	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010
20	Coliforms *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007
21	E. coli *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008
22	Staphylococcus aureus	CFU/g	KPH (LOD = 10)	AOAC 975.55
23	Salmonella spp. *	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp



THS. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimecarts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142310429/02



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/
Customer's Name : HTX DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP XÃ ĐỒNG THÀNH
- Địa chỉ/
Address : Xã Đồng Thành, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Tên mẫu thử/
Name of Sample : CHAI NHỰA PET
- Mô tả mẫu/
Sample Description : Mẫu nguyên vẹn. Số lượng: 05 chai
- Ngày nhận mẫu/
Date sample received : 09/10/2025
- Thời gian lưu mẫu/
Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/
Date of test : 09/10/2025-31/10/2025
- Ngày trả kết quả/
Date of issue : 31/10/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Chì (Pb) *	µg/g	KPH (LOD = 0,3)	QCVN 12-1:2011/BYT
2	Cadmium (Cd) *	µg/g	KPH (LOD = 0,15)	QCVN 12-1:2011/BYT
3	Kim loại nặng (dung dịch ngâm thời Acid acetic 4%, 60°C/30p) *	µg/mL	KPH (LOD = 0,002)	QCVN 12-1:2011/BYT
4	Lượng KMnO ₄ sử dụng (dung dịch ngâm thời nước, 60°C/30p) *	µg/mL	KPH (LOD = 0,3)	QCVN 12-1:2011/BYT
5	Antimony (Sb) (dung dịch ngâm thời Acid acetic 4%, 60°C/30p)	µg/mL	KPH (LOD = 0,001)	QCVN 12-1:2011/BYT
6	Germanium (Ge) (dung dịch ngâm thời Acid acetic 4%, 60°C/30p) **	µg/mL	KPH (LOD = 0,01)	QCVN 12-1:2011/BYT (ICP/MS)
7	Cặn khô (dung dịch ngâm thời Heptan, 25°C/1h) *	µg/mL	KPH (LOD = 5)	QCVN 12-1:2011/BYT
8	Cặn khô (dung dịch ngâm thời Ethanol 20%, 60°C/30p) *	µg/mL	KPH (LOD = 5)	QCVN 12-1:2011/BYT
9	Cặn khô (dung dịch ngâm thời Nước, 60°C/30p) *	µg/mL	KPH (LOD = 5)	QCVN 12-1:2011/BYT

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Mô tả và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142310429/02

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
10	Cặn khô (dung dịch ngâm thời Acid acetic 4%, 60°C/30p) *	µg/mL	KPH (LOD = 5)	QCVN 12-1:2011/BYT

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR



THS. TRỊNH CÔNG SƠN



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*) items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (v), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vincentis đánh dấu (h), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (v), items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (h), items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.